

Bản án số: 279/2018/HS-ST

Ngày: 16-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Bà Nguyễn Lý Ngọc Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 426/2018/TLST-HS, ngày 17/7/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3340/2018/QĐXXST-HS ngày 25/7/2018, đối với bị cáo:

Lê Thị C, sinh ngày: 20/4/1978, tại tỉnh X; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã M, huyện N, tỉnh X; Nơi cư trú: ấp 3, xã A, thị xã B, tỉnh C; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: chế hạt điều; Con ông Võ Văn N (chết) và bà Lê Thị T (1933); Có chồng là Nguyễn Hữu C (1972) đã ly hôn, có 01 con sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ từ 26/4/2018 đến ngày 04/5/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn thành cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 09/10/2001, Nguyễn Ái Q rủ T (em cùng cha khác mẹ của Q) và Lâm L (sống như vợ chồng với T) tìm cách lấy tiền, vàng của bà Tạ Thị X (sinh năm 1917), là bà ngoại của Q và T, đang sống chung tại nhà số 7/80/18 ấp 10, xã H, huyện K.

Q bàn bạc với T lấy 02 viên thuốc mà Q sử dụng để cai nghiện ma túy còn dư pha vào nước trà đường cho bà X uống, còn Linh ngồi trước nhà canh cửa để báo động khi có người xuất hiện. Sau đó, T lấy thuốc pha vào nước trà đường cho bà X uống, còn Q lên phòng của bà Nguyễn Thị Thanh P (mẹ ruột của Q và T) tìm xâu chìa khóa để mở cửa phòng bà X. Sau khi lấy được chiếc chìa khóa cửa phòng, Q xuống nhà chờ cho bà X thấm thuốc ngủ. Khoảng hơn nửa tiếng sau, khi bà X ngủ say, Q kêu L và T cùng lên phòng ngủ của bà X lục soát kiếm tiền, vàng nhưng L, T không dám lên, nên Q lên lầu lục soát trong giỏ xách của bà X lấy được số tiền 1.200 đô la Mỹ và 200 đô la Canada để trong bao thư và một số vòng xuyên, nhẫn, vàng miếng, không xác định được trọng lượng và giá trị.

Sau đó, Q xuống kêu L và T đi ra ngoài khép cửa lại. Q cùng L, T đón xe ôm đến một chợ gần nghĩa trang Bình Hưng Hòa, thuộc quận N, Q đi vào bán vàng. Q khai số vàng mà Q lấy được của bà X gồm: 03 vòng xuyên (nặng khoảng 1,2 lượng vàng 24K), 03 hoặc 04 miếng vàng lá (không rõ trọng lượng), 03 cây vàng SJC, khoảng 20 chiếc nhẫn vàng 14k (loại 1 chỉ, 2 chỉ nặng khoảng trên 2 lượng), nhưng Q chỉ bán vòng xuyên và vàng lá được khoản hơn 12.000.000 đồng. Sau khi bán vàng, Q cùng L, T đón xe taxi ra chợ Bến Thành, Quận 1 để mua xe gắn máy. Khi ngồi trên xe taxi, Q lấy tiền ra chia cho T 500 đô la Mỹ và 100 đô la Canada. L thấy vậy đòi chia ba phần, nhưng Q không đồng ý, mà nói L và T chỉ được một phần để xài chung với nhau, L xin thêm 100 đô la Canada, nhưng Q cũng không cho. Đối với số tiền bán vàng, Q chia cho T 7.000.000 đồng, Q giữ lại 5.000.000 đồng, số vàng còn lại Q chia cho T 01 lượng vàng SJC, một nhẫn vàng (tổng cộng hơn 01 lượng vàng 24K). Như vậy, Q được hưởng vàng nhẫn 24K và trên 5.000.000 đồng; L và T chiếm hưởng và tiêu xài chung gồm: 500 đô la Mỹ, 100 đô la Canada, 01 lượng vàng SJC, 1,2 lượng vàng nhẫn và 7.000.000 đồng.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, Q cùng L, T chạy xe mô tô đến nhà trọ của Lê Thị C thuộc ấp 9, xã H, huyện K. Tại đây, Q kêu C lên xe để Q chở đi cùng với L, T về nhà mẹ ruột của Linh là bà Nguyễn Thị Ngọc LL tại số 188 Lê Lợi, Phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp để trốn. Trên đường đi, Q kể lại cho C nghe việc đã cùng với L, T cho bà X uống thuốc ngủ để lấy tiền, vàng của bà X và đã dùng tiền, vàng này để mua 02 chiếc xe Suzuki Sport, nhưng C không trình báo với cơ quan Công an, riêng L và T thì không nói gì với C về việc đã tổ chức cướp tài sản của bà X. Khi về đến nhà Cao Lãnh, Đồng Pháp, T nói cho bà LL biết việc đã lấy tiền, vàng của bà X để mua 02 chiếc xe. Sau đó, Q, C, L, T chạy xe đi Châu Đốc chơi. Khoảng 10 ngày sau, L và T về nhà bà LL xin ở nhờ, bà LL đồng ý, nhưng không trình báo địa phương, còn Q và C thuê nhà nghỉ, khách sạn tại khu vực thị xã Cao Lãnh, Đồng Tháp ở. Sau đó, do hết tiền tiêu xài, L, T, Q, Cúc chở nhau về Thành phố Hồ Chí Minh đến cửa hàng đã mua xe máy bán lại xe và tiêu xài hết số tiền bán xe.

Bà Nguyễn Thị Thanh P sau khi về nhà phát hiện việc L, T, Q lấy tài sản của bà X đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện K biết.

Ngày 24/4/2003, Công an huyện K bắt được Nguyễn Ái Q tại Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/5/2003 tiếp tục bắt được L tại nhà bà LN ở Cao Lãnh, Đồng Tháp. Cùng ngày, T ra đầu thú tại Công an Phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08/9/2003, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Giao cầu với trẻ em” và nhập với vụ án “Cướp tài sản” do Công an huyện K khởi tố thành vụ án “Cướp tài sản và giao cầu với trẻ em”.

Ngày 10/11/2003, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Che giấu tội phạm, không tố giác tội phạm” và nhập thành vụ án “Cướp tài sản, giao cầu với trẻ em, che giấu tội phạm và không tố giác tội phạm”; ra Quyết định khởi tố bị can và quyết định truy nã đối với Lê Thị C về tội “Không tố giác tội phạm”, Ngày 25/11/2003, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị cáo đối với Lê Thị C.

Ngày 17/5/2004, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm theo Bản án số 731/HSST tuyên phạt L 10 năm tù về tội “Cướp tài sản” và “Giao cầu với trẻ em”; Nguyễn Ái Q 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Mary Nory Jane Minh T 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” cho hưởng án treo và Nguyễn Thị Ngọc L 01 năm tù về “Che giấu tội phạm” cho hưởng án treo.

Ngày 26/4/2018, bị cáo Lê Thị C đến Công an xã M, huyện N, tỉnh X đầu thú. Ngày 04/5/2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Lê Thị C về tội “Không tố giác tội phạm”.

Tại cơ quan điều tra, C khai nhận: C nghe Q kể lại việc Q, L và T đã tổ chức dùng thuốc ngủ cho bà X uống để lấy tiền, vàng. Q không chia tiền, vàng cho C và C không tố giác hành vi phạm tội của Q và đồng phạm. Đến khi thấy Q bị Công an huyện K bắt và C bị mời về trụ sở Công an làm việc sau đó được cho về thì C bỏ trốn. Đến khoảng cuối năm 2003, Cúc theo dõi trên mạng internet thấy mình bị đăng tin truy nã, nên tiếp tục bỏ trốn.

Hiện nay, qua xác minh Nguyễn Ái Q sau khi chấp hành xong hình phạt tù về địa phương đã cùng với gia đình bán nhà đi nơi khác sinh sống, hiện không rõ địa chỉ, không liên lạc được. Math Nory Jane Minh T đã chết; L cũng bị bệnh chết vào ngày 11/4/2007.

Về dân sự: Bà Tạ Thị X đã nhận tiền bồi thường từ bà Nguyễn Thị Thanh P (mẹ của hai bị cáo Q và T) với số tiền 50.000.000 đồng và có đơn bãi nại cho các bị cáo, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 287/CTr-VKS-P2 ngày 10/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thị C về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 314 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Lê Thị C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo, căn lời khai của các bị cáo khác trước đây có thể xác định được bị cáo Lê Thị C đã phạm vào tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 314 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do bị cáo phạm tội đã lâu, quá trình bị truy nã bị cáo không vi phạm gì, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, không nhất thiết phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn, hiện nay bị cáo có công việc ổn định, cần tạo điều kiện để bị cáo sống tốt có ích cho xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi sai trái của mình suốt thời gian qua, bị cáo chỉ mong được hưởng một mức án khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có thể xác định được: Ngày 09/10/2001, Nguyễn Ái Q rủ Math Nory Jane Minh T và Lâm L thực hiện hành vi “Cướp tài sản” của bà Tạ Thị X tại nhà số 7/80/18 ấp 10, xã H, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể, Q, T và L cùng bàn bạc lên kế hoạch rồi dùng thuốc cai nghiện ma túy cho vào nước uống của bà X để bà X ngủ say, rồi chiếm đoạt được 1.200 đô la Mỹ, 200 đô la Canada và một số vòng xuyến, nhẫn, vàng miếng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, Q cùng đồng bọn đi bán vòng vàng lấy tiền chia nhau, rồi mua 02 chiếc xe máy chạy về lại phòng trọ nơi bị cáo Lê Thị C sống rồi cùng với Cúc đi về Đồng Tháp. Trên đường đi, Quốc kể lại toàn bộ sự việc chiếm đoạt được tài sản của bà Xuyến cho C nghe. Về đến Đồng Tháp, Tuyền có nói cho bà LL (mẹ của L) biết việc đã lấy tiền, vàng của bà X mua 02 chiếc xe rồi tiếp tục cùng Q, L, C lấy xe chạy đi Châu Đốc và tiêu xài hết số tiền còn lại. Khi đã hết tiền, L, T, Q và bị cáo C chở nhau về lại Thành phố Hồ Chí Minh đến cửa hàng đã mua xe máy bán lại xe và tiêu xài hết số tiền bán xe. Như vậy, bị cáo Lê Thị C biết rõ các bị cáo Nguyễn Ái Q, L và T có hành vi phạm

tội, nhưng không trình báo địa phương. Hành vi của bị cáo Lê Thị C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 314 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo trong quá trình điều tra trước đây đã bỏ trốn, gây gián đoạn trong việc điều tra xét xử vụ án, cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã đối với bị cáo. Tuy nhiên, đến ngày 26/4/2018, bị cáo đã ra đầu thú, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, hành vi phạm tội của bị cáo là do không hiểu rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhận thấy trong thời gian bỏ trốn bị cáo không vi phạm pháp luật, sống có nghề nghiệp, lao động chân chính, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng do bị cáo đã bỏ trốn và bị truy nã, nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tuy nhiên, nhận thấy bị cáo không phải là mối nguy hại, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Do bị cáo Lê Thị C đã bị tạm giam từ ngày 26/4/2018 đến ngày 04/5/2018, nên bị cáo được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại bản án số 731/HSST ngày 17/5/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét phần bồi thường cho bà Tạ Thị X. Bà X có đơn bãi nại cho các bị cáo và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Thị C** phạm tội "Không tố giác tội phạm".

Áp dụng khoản 1 Điều 314 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị C 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo Lê Thị C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 26/4/2018 đến ngày 04/5/2018 tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh C giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND Cấp Cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - P.PC53 – CATP; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Cục THS Dân sự; | (1) |
| - THA Hình sự; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Sở tư pháp; | (1) |
| - Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ (19). | (7) |

Phạm Uyên Thy